

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Nguyễn Văn Bạch.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Ngô Tấn B**, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp H, xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Kiều T**, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp H, xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Ngô Tấn B trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Kiều T tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 26-12-2014 tại Ủy ban nhân dân xã HX. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng với gia đình anh nhưng sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về lối sống, tính tình, bất đồng quan điểm. Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2015 đến nay. Do đó, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Tấn Q, sinh ngày 04-12-2015 hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng vì hiện nay anh sống chung với gia đình, công việc chính là làm vườn chung cho gia đình và làm thuê cho anh của anh mỗi mùa Sầu Riêng được khoảng 7-8 triệu đồng. Còn vườn nhà anh trồng được 02 công sầu riêng, mỗi năm thu nhập khoảng vài chục triệu đồng cho cả gia đình nên không có khả năng cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**. Bị đơn, chị Huỳnh Thị Kiều T trình bày:* Chị thống nhất về thời điểm kết hôn, con chung như anh B trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do lúc cháu Q phát bệnh động kinh, bệnh này sẽ theo cháu suốt đời. Chính vì vậy, anh B và gia đình anh B đổ lỗi do chị mà cháu Q phát bệnh nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Cuối năm 2018, đầu năm 2019 chị đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn có về gia đình bên chồng. Còn thời gian trước đó, do chị phải đi làm về trễ nên chị về nhà cha mẹ ruột chị ở, đến cuối tuần chị dẫn con về nhà gia đình chồng chứ không phải đi luôn như anh B trình bày. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh B. Đồng thời, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng vì cháu Bảo bị bệnh động kinh, khô da bẩm sinh. Hiện tại, cháu chưa biết nói, chưa biết đi và mỗi tháng chi phí để điều trị bệnh, nuôi dưỡng cháu Q là khoảng 5.500.000 đồng chưa kể những chi phí phát sinh khác. Công việc của chị hiện nay làm công nhân, mỗi tháng thu nhập được 6.000.000 đồng. Còn anh B và gia đình mỗi năm thu nhập từ sầu riêng khoảng 300.000.000 đồng, anh B làm mướn cho anh của anh B mỗi mùa Sầu Riêng được khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh B, chị T vẫn thống nhất thuận tình ly hôn, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Đối với phần cấp dưỡng nuôi con, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh B chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng mỗi tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Ngô Tấn B và chị Huỳnh Thị Kiều T tranh chấp về ly hôn; chị T cư trú tại: Ấp H, xã HX, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa anh Ngô Tấn B và chị Huỳnh Thị Kiều T là hợp pháp, vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã HX, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 256 ngày 26-12-2014. Nay anh B, chị T thỏa thuận thống nhất ly hôn là tự nguyện, không ai bị ép buộc là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Giữa anh B, chị T cũng thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Ngô Tấn Q, sinh ngày 04-12-2015 cho chị T là người trực tiếp nuôi con. Hiện cháu Q cũng đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên xét sự thỏa thuận giữa anh B, chị T là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T là người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu phía anh B phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, chị T yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Phía anh B cho rằng hiện nay làm vườn chung với gia đình và làm thuê cho anh của anh nên không đủ khả năng cấp dưỡng 2.000.000 đồng mà chỉ có khả năng cấp dưỡng 1.000.000 đồng mỗi tháng cho chị T. Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu mà chị T nêu là phù hợp, vì hiện nay cháu Q đang bị bệnh (bệnh động kinh và khô da bẩm sinh), phải được điều trị hàng tháng nên chi phí để nuôi dưỡng và điều trị phải cao hơn những trường hợp bình thường. Qua các tài liệu, chứng cứ chị T giao nộp, có cơ sở để xác định rằng mức yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng là hợp lý. Đối với anh B cho rằng mình có thu nhập thấp nên chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng mỗi tháng mà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là chối bỏ nghĩa vụ của mình đối với con chung nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị T, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Ngô Tấn B là nguyên đơn khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí về ly hôn; anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên còn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Ngô Tấn B và chị Huỳnh Thị Kiều T. Anh Ngô Tấn B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kiều T.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Ngô Tấn B và chị Huỳnh Thị Kiều T. Giao cháu Ngô Tấn Q, sinh ngày 04-12-2015 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Buộc anh Ngô Tấn B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Huỳnh Thị Kiều T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Ngô Tấn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Anh Ngô Tấn B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Anh B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17101 ngày 12-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên anh B còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã HX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực